

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
BẢO MINH – KHÁNH HỒNG**

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH
THỰC HIỆN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG
CỤM CÔNG NGHIỆP KHÁNH LỢI II**

**ĐỊA ĐIỂM: XÃ KHÁNH THIỆN VÀ XÃ KHÁNH LỢI, HUYỆN YÊN KHÁNH,
TỈNH NINH BÌNH.**

NINH BÌNH, THÁNG ...06.../2025

MỤC LỤC

1. Thông tin về dự án.....	1
1.1. Thông tin chung.....	1
1.2. Phạm vi, quy mô, công suất.....	1
1.3. Công nghệ sản xuất	3
1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư.....	3
1.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng	3
1.4.2. Giai đoạn hoạt động.....	4
1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường.....	4
2. Các nội dung tham vấn	5
2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư.....	5
2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư.....	9
2.2.1. Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành	9
2.2.3. Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.....	11
2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường	12
2.3.1. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành	12
2.3.2. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành	15
Tổ chức trồng cây xanh trong phạm vi Dự án theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.	16
2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	17
2.4.1. Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.....	17
2.4.2. Tóm tắt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành	18
2.5. Các nội dung khác	20
2.5.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải	20
2.5.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật.....	20
3. Cam kết của Chủ dự án.....	20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

 Tên dự án:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Khánh Lợi II

 Địa điểm thực hiện:

Xã Khánh Thiện và xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

 Chủ dự án đầu tư:

- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Bảo Minh - Khánh Hồng (Sau đây gọi tắt là Chủ dự án).

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khánh Thượng, xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện là: Bà Trần Thị Kim Thanh Chức danh: Tổng giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2700815731 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 13/01/2016, được phòng Doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 24/03/2025.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

 Phạm vi:

- Phạm vi dự án: Diện tích: 55ha.

Đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên khu đất có diện tích 55ha ha, gồm các hạng mục như sau: (1) Đền bù, giải phóng mặt bằng; (2) san nền; (3) hệ thống giao thông; (4) hệ thống thu gom, thoát nước mưa; (5) hệ thống thu gom, thoát nước thải; (6) hệ thống cấp điện, chiếu sáng; (7) hệ thống cấp nước; (8) hệ thống thông tin liên lạc; (9) hệ thống phòng cháy, chữa cháy (PCCC); (10) cây xanh; (11) hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m³/ngày đêm.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường:

+ Hoạt động chuẩn bị dự án (giải phóng mặt bằng, san nền, san lấp kênh thủy lợi) trên tổng diện tích đất thu hồi.

+ Hoạt động thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật và khu điều hành của Dự án.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án không bao gồm: Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án không bao gồm các hoạt động khai thác nước mặt, nước ngầm; khai thác và vận chuyển vật liệu san nền và nội dung đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp.

 Quy mô, công suất:

- Quy mô diện tích: 55ha.

- Quy mô xây dựng:

+ Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, bao gồm

các khu điều hành dịch vụ, khu đất công nghiệp xây dựng nhà xưởng sản xuất, khu xử lý nước thải công nghiệp, đất cây xanh, mặt nước, hệ thống giao thông và các hạng mục phụ trợ (công, tường rào chung của cụm công nghiệp, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, phòng cháy chữa cháy...).

+ Quy mô kiến trúc xây dựng (bao gồm cơ cấu sử dụng đất, vị trí, quy mô, chiều cao tầng của các hạng mục công trình) được xác định cụ thể theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể như sau:

Khu điều hành dịch vụ: Diện tích 5.500 m², bao gồm các hạng mục: Nhà văn phòng điều hành, Nhà để xe, Khu dịch vụ, Cây xanh, Sân đường giao thông nội bộ. Không chế số tầng cao xây dựng tối đa 5 tầng, chiều cao tối đa 30m, mật độ xây dựng tối đa 55% .

Khu đất công nghiệp xây dựng nhà xưởng sản xuất: Diện tích 404.304 m², gồm các lô: CN1 diện tích 50.886 m²; CN2 diện tích 51.250 m²; CN3 diện tích 24.387 m²; CN4 diện tích 18.845 m²; CN5 diện tích 57.572 m²; CN6 diện tích 23.552 m²; CN7 diện tích 45.430 m²; CN8 diện tích 27.176 m²; CN9 diện tích 31.815 m²; CN10 diện tích 20.821m²; CN11 diện tích 32.380 m², CN12 diện tích 20.190 m². Không chế số tầng cao xây dựng tối đa 5 tầng, chiều cao tối đa 30m, mật độ xây dựng tối đa 70%;

Khu xử lý nước thải công nghiệp: Diện tích 6.000 m², gồm các hạng mục: Nhà điều hành trạm XLNT, Nhà phụ trợ trạm XLNT, Cụm bể xử lý nước thải, Phòng điện và bơm chữa cháy, Cây xanh mặt nước, Sân đường nội bộ, Hồ sự cố, Hồ nước chữa cháy. Không chế số tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng, chiều cao tối đa 18m, mật độ xây dựng tối đa 55%;

Đất cây xanh, mặt nước: 72.400 m²,

Đất giao thông của cụm công nghiệp: Diện tích 61.796 ha m², xây dựng 02 tuyến đường như sau: Tuyến đường có ký hiệu mặt cắt 1-1 (tuyến chính trong cụm công nghiệp): B=6+10,5+4,5+20+4,5+10,5+6=62m); Tuyến đường có ký hiệu mặt cắt 2-2: B-5+11+5-21m.

Các hạng mục phụ trợ khác: Công, tường rào chung của cụm công nghiệp: Hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, phòng cháy chữa cháy.

- Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất dự án:

CCN Khánh Lợi II có phạm vi diện tích đất quy hoạch thuộc địa bàn xã Khánh Thiện và xã Khánh Lợi thuộc huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Tổng diện tích quy hoạch Cụm công nghiệp Khánh Lợi II là 55ha, cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 0.1 Cơ cấu sử dụng đất

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích đất quy hoạch cụm công nghiệp	55	100%
1	Đất công nghiệp	40,4304	73,51%
2	Đất khu điều hành - dịch vụ	0,55	1,00%
3	Đất cây xanh	5,56	10,11%
4	Đất mặt nước	1,68	3,05%

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	0,6	1,09%
6	Đất giao thông	6,1796	11,24%
	Tổng cộng:	55	100%

Trong đó:

- Tổng số lô đất công nghiệp (ký hiệu từ CN1 đến CN12) với tổng diện tích 40,4304 ha không chế số tầng cao xây dựng tối đa 5 tầng, chiều cao tối đa 30m, mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Đất công trình điều hành và dịch vụ của cụm công nghiệp có ký hiệu ĐHDV với diện tích 0,55 ha không chế số tầng cao xây dựng tối đa 5 tầng, chiều cao tối đa 30m, mật độ xây dựng tối đa 55%.

- Khu xử lý nước thải công nghiệp có ký hiệu NT với diện tích 0,6 ha, chiếm 1,09%, không chế số tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng, chiều cao tối đa 18m, mật độ xây dựng tối đa 55%.

- Diện tích đất giao thông: 6,1796 ha, chiếm 11,24%.

- Diện tích đất cây xanh: 5,56 ha, chiếm 10,11%.

Ngành nghề thu hút đầu tư

CCN Khánh Lợi II khi đi vào hoạt động sẽ thu hút các loại hình dự án về công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô; công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo; sản xuất thiết bị y tế; thiết bị điện; sản xuất các sản phẩm mỹ phẩm như đã được phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Khánh Lợi, huyện Yên Khánh tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 04/06/2025 của UBND huyện Yên Khánh.

1.3. Công nghệ sản xuất

Do tính chất đặc thù của loại hình dự án là: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp nên công nghệ sản xuất của Dự án là các công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Cụ thể như sau:

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Tách rác → Bể gom → Bể điều hòa → Cụm bể phản ứng → Bể lắng 1 → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hệ thống quan trắc → Kênh Nguyễn Văn Bé.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

+ Thu hồi khoảng 55 ha đất nông nghiệp, kênh mương, giao thông nội đồng, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản.

+ Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn; ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

1.4.2. Giai đoạn hoạt động

+ Hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn.

+ Hoạt động của khu điều hành dịch vụ, trạm xử lý nước sạch, trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

+ Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi, bùn thải.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP:

- Căn cứ theo điểm đ khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được chỉnh sửa, bổ sung tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể Dự án có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa 02 vụ là 42,0324 ha.

- Ngoài ra, Dự án không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

Và căn cứ theo các điểm a, b, c, d, e khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được chỉnh sửa, bổ sung tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP:

+ Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này có địa điểm thực hiện nằm trên: Phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III và loại IV theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị, trừ dự án có đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định mà không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý;

+ Dự án không xả nước thải vào nguồn nước mặt được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường hoặc trường hợp dự án có đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định;

+ Dự án không sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp hoặc thủy sản, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản, vùng đất ngập nước quan trọng, khu dự trữ sinh quyển, di sản thiên nhiên thế giới và thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7a Phụ lục III Nghị định này (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt chỉ có một hoặc các

mục tiêu: Phục vụ quản lý bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng cháy, chữa cháy rừng; lâm sinh);

+ Dự án không sử dụng đất, đất có mặt nước của khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau: Dự án chỉ có một hoặc các mục tiêu: Bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án nhằm phục vụ việc quản lý, vệ sinh môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án bảo trì, duy tu bảo đảm an toàn giao thông);

+ Dự án không có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

 **Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau:**

- Vị trí tiếp giáp:

Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Khánh Lợi II” thuộc địa giới hành chính của xã Khánh Thiện và Khánh Lợi, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Tổng diện tích thực hiện dự án là 55 ha, trong đó diện tích thuộc xã Khánh Thiện là 26,28383 ha, diện tích thuộc xã Khánh Lợi là 28,71617 ha. Vị trí cụ thể của khu đất thực hiện dự án như sau:

+ Phía Tây Bắc: giáp đường đê Sông Đáy và khu trung chuyển khí hóa lỏng.

+ Phía Đông Bắc: giáp đất nông nghiệp xã Khánh Thiện.

+ Phía Đông Nam: giáp Cụm công nghiệp Khánh Lợi 63ha đã được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Phía Tây Nam: giáp đất nông nghiệp xã Khánh Lợi.

- Vị trí thực hiện dự án được giới hạn bởi các mốc tọa độ theo bảng sau:

Bảng 0.1 Bảng tọa độ các điểm khép góc

Tên mốc	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)		Tên mốc	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)
1	2238482.50	613247.33		15	2237447.11	612540.81
2	2238243.80	613334.16		16	2237370.02	612328.89
3	2238158.51	613099.69		17	2237474.00	612291.06
4	2237958.53	613172.44		18	2237673.00	612270.19
5	2237875.74	612944.83		19	2237750.00	612481.86
6	2237525.78	613072.13		20	2237876.65	612690.49
7	2237517.91	613050.51		21	2238184.98	612578.33
8	2238266.24	612778.30		22	2238244.70	612742.51
9	2238259.40	612759.51		23	2238372.06	612696.18

Tên mốc	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)		Tên mốc	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)
10	2237511.07	613031.72		24	2238418.79	612722.45
11	2237496.98	613036.85		25	2238422.62	612716.43
12	2237486.73	613008.66		26	2238465.65	612740.93
13	2237500.82	613003.53		27	2238319.29	612798.66
14	2237345.90	612577.63				

Nguồn: Mốc các điểm giới hạn của khu đất được trích đúng theo sơ đồ vị trí khu đất thực hiện dự án do phòng đăng kí đất đai tỉnh Ninh Bình cấp ngày 20/3/2025.

- Sơ đồ vị trí, ranh giới khu vực thực hiện dự án được thể hiện dưới hình sau:

Hình 1. Sơ đồ vị trí, ranh giới thực hiện dự án

Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh:

Mối quan hệ của dự án với các dự án khác xung quanh dự án:

- Công trình văn hóa và tôn giáo: trong khu vực thực hiện dự án không có công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử.

- Mạng lưới các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Yên Khánh:

Cụm công nghiệp Khánh Lợi nằm trong mạng lưới các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Yên Khánh với quy hoạch của các cụm công nghiệp như sau:

+ CCN Yên Ninh tại thị trấn Yên Ninh, diện tích quy hoạch 6,67 ha. Cụm công nghiệp thu hút các loại hình dự án về may mặc; cơ khí, chế biến thức ăn gia súc; thủ công mỹ nghệ.

+ CCN Khánh Nhạc tại xã Khánh Nhạc, diện tích quy hoạch 37,18 ha. Cụm công nghiệp thu hút các loại hình dự án sản xuất giày da; chế biến lương thực thực phẩm; sản xuất thủ công mỹ nghệ; sửa chữa cơ khí.

+ CCN Khánh Thành tại xã Khánh Thành, diện tích quy hoạch đến năm 2025 là 50ha. Cụm công nghiệp thu hút các loại hình dự án về may mặc, điện tử, gia công cơ khí, chế biến nông lâm sản, kho trung chuyển.

+ CCN Khánh Hải I tại xã Khánh Hải, diện tích quy hoạch đến năm 2025 là 50 ha. Cụm công nghiệp thu hút các dự án về may mặc; gia công cơ khí; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm.

+ CCN Khánh Hải II tại xã Khánh Hải, diện tích quy hoạch đến năm 2025 là 50 ha. Cụm công nghiệp thu hút các dự án về may mặc; điện tử, gia công cơ khí; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm.

Đánh giá chung: Khu vực thực hiện dự án có thuận lợi về giao thông, nguồn lao động dồi dào. Bên cạnh đó, khu vực thực hiện dự án cũng gặp khó khăn do địa hình tương đối thấp chi phí san lấp mặt bằng cao, nút giao đoạn nối từ đường quốc lộ 10 với đường dẫn vào đường Bái Đính – Kim Sơn bị hẹp và thắt nút gây khó khăn cho các phương tiện giao thông lưu thông vào cụm công nghiệp. Việc đầu tư xây dựng hoàn trả hệ thống cơ sở hạ tầng như đường giao thông nội đồng, kênh mương để phục vụ canh tác cho diện tích còn lại xung quanh dự án có kinh phí lớn.

- Hệ thống sông ngòi, kênh mương:

+ Sông Đáy:

Cách khu đất quy hoạch dự án khoảng 1km về phía Tây Bắc có Sông Đáy chảy qua, mực nước tại Sông Đáy bị ảnh hưởng bởi thủy triều biển đông. Mực nước chống lũ tại Sông Đáy tương ứng với cấp báo động I là +2,5m, cấp báo động II là +3m, cấp báo động III là +3,5m, một bên bờ đê hữu Sông Đáy thuộc cấp II có cao độ mặt đường +4,8m.

(Nguồn: Báo cáo thuyết minh quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 của dự án)

Sông Đáy có chiều dài khoảng 240 km và là một trong 5 con sông dài nhất ở miền Bắc Việt Nam. Lưu vực sông Đáy (cùng với phụ lưu sông Nhuệ) hơn 7.500 km² trên địa bàn các tỉnh thành Hà Nội, Hòa Bình, Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định. Sông Đáy chảy qua 11 xã phía Đông Bắc của tỉnh Ninh Bình với tổng chiều dài 37,3 km.

Sông Đáy ngoài vai trò là sông chính của các sông Bùi, sông Nhuệ, sông Bôi, sông Hoàng Long, sông Vạc nó còn là một phân lưu của sông Hồng khi nhận nước từ sông Nam Định nối tới từ hạ lưu sông Hồng. Ngoài ra, sông Đáy còn có vai trò cung cấp nước cho các kênh mương phục vụ nước tưới tiêu cho nông nghiệp, có nhiệm vụ

thoát nước mùa lũ, cung cấp nước cho các Nhà máy nước và một số khu vực các hộ dân sống gần sông Đáy sử dụng nước sông phục vụ sinh hoạt.

(Nguồn: Công ty Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy)

+ Sông Mới: Sông Mới là sông cấp nước cho sông Vạc qua hệ thống âu sông Mới. Sông Mới với chiều dài khoảng 9,7 km, chảy qua địa bàn xã Khánh Lợi, xã Khánh Mậu, thị trấn Yên Ninh, xã Khánh Thiện, xã Khánh Hội. Sông có chức năng tiêu thoát nước và cấp nước tưới tiêu thủy lợi, sinh hoạt cho khu vực huyện Yên Khánh.

Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án:

- Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư:

- Khu đất quy hoạch để thực hiện dự án nằm cách khu dân cư nơi gần nhất của xã Khánh Lợi khoảng 100m về phía Tây Nam; cách khu dân cư nơi gần nhất của xã Khánh Thiện khoảng 30m về phía Đông Bắc. Như vậy, CCN Khánh Lợi II khá gần khu dân cư, vì vậy Công ty sẽ có biện pháp bố trí mặt bằng để giảm thiểu tối đa tác động.

- Khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường:

+ Dự án “Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Khánh Lợi II” thực hiện tại xã Khánh Thiện và xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Vị trí thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm môi trường gồm: nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư.

Tuy nhiên, Dự án có thu hồi đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 420.324 m² (42,0324 ha) thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo Điều 123 Luật đất đai 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ năm thông qua ngày 18/01/2024.

+ **Công trình văn hóa và tôn giáo:** trong khu vực thực hiện dự án không có công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1. Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

Giai đoạn thi công xây dựng:

(1). Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng khoảng 9 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform, .v.v.

+ Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 55,8 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ.

(2) Bụi, khí thải:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, từ hoạt động hàn, cắt kim loại, đào đất. Thông số ô nhiễm: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

+ Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng, đào đắp, san nền, tập kết, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất đá thải, phế thải. Thông số ô nhiễm: bụi, SO₂, NO_x, CO.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn hoàn thiện. Thông số ô nhiễm chủ yếu là các chất hữu cơ bay hơi.

(3) Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- CTR thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng có khối lượng khoảng 100 kg/ngày. Bao gồm: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa, v.v.

+ Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng có khối lượng khoảng 6546,1 tấn trong cả giai đoạn xây dựng. Bao gồm: các loại phế thải như đất đá, gạch vỡ, bao bì xi măng, sắt thép vụn.

+ CTNH: Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 3.707 kg trong cả giai đoạn xây dựng. Thành phần chất thải gồm: giẻ lau dính dầu; hộp, thùng kim loại đựng hóa chất đã qua sử dụng; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu mẫu que hàn thải.

 Giai đoạn vận hành:

(1). Nước thải

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà máy của các nhà đầu tư thứ cấp, từ khu nhà điều hành và khu nhà dịch vụ của Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), photpho (P), coliform, ...

(2) Bụi, khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H₂S, NH₃, metyl mercaptan.

- Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư.

(3) Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- CTR thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại khu điều hành, khu dịch vụ Cụm công nghiệp và các nhà máy trong Cụm công nghiệp. Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, giấy phế thải và các loại phế thải, bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, chai thủy tinh, kim loại...

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong giai đoạn hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Quy mô, tính chất các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án trong Cụm công nghiệp sẽ được trình bày cụ thể trong báo cáo ĐTM hoặc hồ sơ môi trường tương ứng (GPMT, ĐKMT) của từng dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Chất thải nguy hại phát sinh:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Ban quản lý Cụm công nghiệp.
Thành phần: giẻ lau dính dầu khoáng; bao bì mềm thải đựng hóa chất; bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (thủy tinh, composite);

+ Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Quy mô, tính chất các các loại chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án trong Cụm công nghiệp sẽ được trình bày cụ thể trong báo cáo ĐTM hoặc hồ sơ môi trường tương ứng (GPMT, ĐKMT) của từng dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2.2.3. Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ các thiết bị thi công xây dựng các hạng mục, công trình của Dự án.

- Tai nạn lao động: Các sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra do tình trạng kỹ thuật của phương tiện, máy móc không đảm bảo; bất cẩn trong vận hành; không tuân thủ nội quy an toàn lao động; thiếu trang thiết bị bảo hộ cho công nhân; và các yếu tố thiên tai bất khả kháng như bão, sét, lũ quét. Những sự cố này không chỉ gây nguy hiểm đến tính mạng con người và thiệt hại kinh tế, mà còn làm gián đoạn tiến độ thi công, ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu tư của dự án.

- Tai nạn giao thông: Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và chất thải trong giai đoạn xây dựng có thể làm gia tăng phương tiện tham gia giao thông, đặc biệt vào giờ cao điểm, gây ùn tắc cục bộ trên các tuyến đường tỉnh lộ, liên thôn, liên xã, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông của người dân. Ngoài ra, nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, gây thiệt hại về người và tài sản cũng có thể phát sinh trong quá trình di chuyển và vận chuyển này.

- Các bệnh dịch, rủi ro về vệ sinh an toàn thực phẩm: Tình trạng tập trung lao động trong quá trình thi công dự án có thể gây ra nguy cơ bùng phát dịch bệnh, đặc biệt khi công nhân làm việc ngoài trời trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, ảnh hưởng đến sức khỏe và cộng đồng xung quanh. Các tác động này được đánh giá là lớn, tuy nhiên khả năng xảy ra trong quá trình thi công thấp.

- Sự cố cháy nổ: Trong giai đoạn thi công, nguy cơ cháy nổ có thể phát sinh do sử dụng các loại nhiên liệu, hóa chất dễ cháy, hàn xì, hoặc do thiết bị, máy móc không đảm bảo an toàn kỹ thuật. Ngoài ra, sự bất cẩn của công nhân trong quá trình làm việc cũng là nguyên nhân tiềm ẩn. Những sự cố này có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, và làm gián đoạn tiến độ thi công dự án.

Giai đoạn vận hành:

- Tiếng ồn, độ rung:

+ Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển ra vào Cụm công nghiệp và đơn vị thứ cấp.

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị sản xuất của các đơn vị thứ cấp, mức độ ồn phụ thuộc vào tính chất, ngành nghề đầu tư của các đơn vị thứ cấp.

- Tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: Không có.

- An toàn giao thông: Tăng nguy cơ rủi ro tai nạn giao thông.
- An toàn lao động: Tăng nguy cơ rủi ro, sự cố an toàn lao động.
- Sự cố cháy nổ: Tăng nguy cơ rủi ro, sự cố cháy nổ.
- Sự cố môi trường: Sự cố đối với trạm xử lý nước thải.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Đối với nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: lắp đặt các nhà vệ sinh di động trên công trường, chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định, tuyệt đối không thải nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng ra ngoài môi trường.

- Nước thải xây dựng: Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải của các khu vực bên ngoài Dự án. Bố trí rãnh thu gom, thoát nước tạm thời. Nước từ quá trình bơm cát sẽ được thu gom vào hố lắng trước khi thoát nước ra mương thoát nước của khu vực. Bố trí 02 máng rửa xe tại đầu công trường về hai phía của mương Nguyễn Văn Bé, kích thước máng rửa xe khoảng 5m x 3m. Bố trí 2 hố lắng có dung tích 4m³ để xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, phương tiện máy móc, nước rửa lốp xe được theo quy trình sau: Nước thải -> hố lắng cạn có bố trí vãi tách dầu -> tuần hoàn tái sử dụng để bơm nước dập bụi, rửa lốp xe. Định kỳ 1 tuần/lần sẽ tiến hành nạo vét bùn tại hố lắng cạn, hố ga, đường ống thoát nước, toàn bộ bùn cạn nạo vét từ hệ thống đường ống, hố thu lắng xử lý,...được chủ dự án đưa đi san lấp mặt bằng. Vải nhiễm dầu mỡ này được xử lý như chất thải nguy hại (cùng chung danh mục giẻ lau nhiễm dầu mỡ).

Đối với bụi, khí thải:

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao khoảng 2m vây xung quanh khu vực công trường thi công; phương tiện vận chuyển phải được kiểm định chất lượng, vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,... không để rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường vận chuyển, đảm bảo vệ sinh môi trường; có biện pháp phun nước, làm ẩm, giảm thiểu bụi do quá trình vận chuyển vật liệu (bóc dỡ đá, cát) phát sinh; bố trí cầu rửa xe tại khu vực cổng ra vào công trường; vệ sinh định kỳ đối với các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực tập kết.

 Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt: Dự kiến bố trí 06 thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít đặt tại khu vực lán trại công nhân xây dựng để thu gom rác thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị thu gom rác để thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý toàn bộ sinh khối, chất thải rắn từ hoạt động phát quang cây cối phát sinh theo quy định

+ Bố trí các thùng rác có nắp đậy, màu sắc khác nhau đảm bảo theo quy định về phân loại chất thải tại nguồn để thu gom chất thải sinh hoạt; chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đến bãi rác tập trung theo quy định.

+ Thực hiện thu gom, quản lý các chất thải rắn xây dựng phát sinh, cụ thể: phân loại tại nguồn các loại chất thải xây dựng, bố trí khu vực tập kết chất thải xây dựng phù hợp; chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng tại chỗ được thu gom, tái sử dụng làm vật liệu xây dựng ngay tại chỗ; chất thải từ quá trình bóc tách tầng đất mặt phải được sử dụng vào mục đích nông nghiệp và tuân thủ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; chất thải rắn xây dựng khác được thu gom, tập kết tại bãi chứa trên công trường, tiến hành phân loại ngay tại nguồn; chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; các loại chất thải rắn không còn khả năng tái chế được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải. Việc vận chuyển chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường.

- Chất thải nguy hại: phân loại, thu gom và lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh bằng các thùng chứa riêng biệt, lưu giữ tại kho đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

 Đối với nước thải:

- Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích là 55 m³ tại khu nhà vệ sinh của văn phòng điều hành cụm công nghiệp, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án (công suất 1.500 m³/ngày đêm).

- Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 1.500 m³/ngày đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong phạm vi Dự án (bao gồm cả nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý tại các cơ sở đầu tư thứ cấp) bằng phương pháp

sinh học kết hợp hóa lý, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 01:2020/NB cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{NB} = 0,95$) QCVN 01:2020/NB cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{NB} = 0,95$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra kênh Nguyễn Văn Bé.

- Quy trình công nghệ xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Tách rác → Bể gom → Bể điều hòa → Cụm bể phản ứng → Bể lắng 1 → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hệ thống quan trắc → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01:2020/NB cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{NB} = 0,95$) → Kênh Nguyễn Văn Bé.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án và các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp đạt QCVN 01:2020/NB Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Ninh Bình, cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{NB} = 0,95$) trước khi xả vào kênh Nguyễn Văn Bé.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, COD, BOD, TSS, amoni.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Thỏa thuận về yêu cầu đối với nước thải của các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm và thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

Đối với bụi, khí thải:

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp tự chịu trách nhiệm xử lý bụi và khí thải đạt yêu cầu theo quy định về bảo vệ môi trường.

- Trồng cây xanh trên diện tích được quy hoạch trồng cây xanh trong cụm công nghiệp và trong khoảng cách ly quanh khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh đáp ứng yêu cầu tuân thủ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Lắp đặt hệ thống xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án. Quy trình công nghệ xử lý, như sau: Mùi → ống thu gom → tháp hấp phụ (bằng than hoạt tính) → quạt hút → ống thải ra môi trường.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường: Bố trí các thùng đựng rác

chuyên dụng có nắp đậy có màu sắc khác nhau (theo quy định về phân loại chất thải tại nguồn) đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động nội bộ của Dự án (tại văn phòng điều hành cụm công nghiệp, khu vực bãi đỗ xe, khu vực nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung, khu vực cây xanh, đường nội bộ trong phạm vi dự án); Chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể tự hoại tại khu vệ sinh của Văn phòng điều hành cụm công nghiệp và khu vệ sinh của nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Chất thải nguy hại: Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành hạ tầng cụm công nghiệp được thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 10 m² (được bố trí tại khu đất hạ tầng kỹ thuật). Kho lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế và xây dựng theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong kho bố trí các thùng chứa chuyên dụng, đảm bảo lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định. Chủ Dự án ký Hợp đồng chuyển giao bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3.2. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải cho phép.

Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật; nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Biện pháp giảm thiểu tác động đến kênh mương nội đồng

- Giám sát thi công xây dựng, đảm bảo phạm vi thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát nguyên vật liệu, các nguồn thải phát sinh không để xâm lấn, bồi lắng hệ thống kênh mương xung quanh dự án. Chủ Dự án cam kết thực hiện nạo vét, khơi thông dòng chảy, đảm bảo điều kiện tiêu tưới của hệ thống kênh mương thủy lợi xung quanh.

- Thực hiện hoàn trả kênh mương theo đúng phương án thỏa thuận với cơ quan

chức năng có thẩm quyền, đảm bảo khả năng tưới tiêu, không gây gián đoạn hoạt động sản xuất nông nghiệp tại khu vực xung quanh Dự án.

 Biện pháp giảm thiểu tác động tới kinh tế - xã hội, giao thông khu vực

- Xây dựng hàng rào bao quanh vị trí thi công; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn luồng giao thông; thực hiện hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công xây dựng.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; tuyên truyền phổ biến, quán triệt công nhân lao động nghiêm túc thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự; phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng đối với cán bộ, công nhân viên tham gia thi công xây dựng; không di chuyển ra vào công trường qua các tuyến đường giao thông nội đồng của các khu vực sản xuất nông nghiệp lân cận; không vận chuyển quá tải, tránh rơi vãi vật liệu, phế thải ra đường gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông, làm sụt lún ảnh hưởng đến các tuyến đường; thực hiện thu sửa các đoạn đường bị hư hỏng do hoạt động của Dự án và hoàn trả lại mặt bằng diện tích đất đã chiếm dụng ngay sau khi kết thúc thi công Dự án (nếu có).

- Phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho các tổ chức có liên quan và người dân khu vực xung quanh Dự án về thời gian thi công, di dời các công trình hiện trạng trên đất thuộc phạm vi của Dự án; cải tạo và xây dựng hoàn trả các công trình bị ảnh hưởng (nếu có).

b) Giai đoạn vận hành

 Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Tổ chức trồng cây xanh trong phạm vi Dự án theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

 Biện pháp quản lý, giảm thiểu tác động đối với hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong phạm vi Dự án

Quy định rõ trách nhiệm đối với các chủ cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong phạm vi Dự án thông qua hợp đồng thuê đất giữa chủ dự án và chủ cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp như sau:

- Thực hiện thủ tục môi trường riêng đối với từng dự án đầu tư thứ cấp và tổ chức thực hiện theo các thủ tục môi trường được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

- Thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất đáp ứng quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường theo hồ sơ môi trường của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

- Thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và các loại chất thải khác.

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo hồ sơ môi trường của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố; chương trình quản lý, giám sát môi trường và các nội dung bảo vệ môi trường khác theo hồ sơ môi trường của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong phạm vi Dự án tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.4.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

** Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, rung:*

- Vị trí: 02 vị trí (tại điểm cách Dự án khoảng 100m cuối hướng gió và 01 điểm tại khu vực tập trung máy móc, thiết bị thi công).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

** Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh theo quy định.

2.4.1.2. Giai đoạn khi vận hành dự án

a) Giám sát nước thải

** Giám sát nước thải tự động, liên tục:*

Bố trí 01 hệ thống giám sát tự động, liên tục tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Vị trí giám sát tự động: 01 vị trí nước thải sau xử lý đo tại mương quan trắc của Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 1.500 m³/ngày đêm, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra); Nhiệt độ; pH; TSS; Amoni; COD.

- Tần suất giám sát: liên tục 24/24 giờ.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 01:2020/NB - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Ninh Bình (cột A, với K_q = 0,9; K_f = 1,0; K_{NB} = 0,95).

- Chế độ báo cáo: truyền dữ liệu giám sát môi trường trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình theo quy định.

** Giám sát nước thải định kỳ:*

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu vào và 01 điểm tại đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m³/ngày đêm.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH, BOD₅, COD, TSS, As, Hg, Pd, Cd, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng xianua, tổng Phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, Florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ (tính theo N), tổng phốt pho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 01:2020/NB Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Ninh Bình (cột A, với $K_q = 0,9$; $K_f = 1$; $K_{NB} = 0,95$).

b) Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/CP-NĐ ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh theo quy định.

2.4.2. Tóm tắt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tuyên truyền, tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân thi công Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình xây dựng theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: tuyên truyền, tập huấn cho các công nhân lao động trên công trường thực hiện đảm bảo các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ cho người lao động làm việc trên công trường; tổ chức đội cứu hộ để sơ cứu tại chỗ trong trường hợp xảy ra tai nạn.

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố ngập úng:

+ Có biện pháp thi công phù hợp; thực hiện hoàn trả kênh mương theo đúng phương án thỏa thuận với cơ quan chức năng có thẩm quyền; xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn theo phương án được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt và thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc hệ thống tiêu thoát nước khu vực Dự án, đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng trong quá trình thực hiện Dự án.

+ Trước khi bơm hút nước trong mương hiện trạng, Chủ dự án có trách nhiệm

yêu cầu nhà thầu thi công dọn dẹp, vớt rác, sử dụng màng chắn rác ở đầu ống máy bơm để hạn chế rác bị cuốn sang nguồn tiếp nhận; không tiến hành bơm nước vào mùa mưa và tránh thời điểm khu vực đang bơm dẫn nước tưới tiêu đồng ruộng; bố trí cán bộ giám sát đường ống bơm nước để kịp thời phát hiện và khắc phục sự cố.

+ Trước khi tiến hành bơm cát, Chủ dự án có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu thi công đắp đê bao để ngăn nước và giữ cát chảy tràn ra khu vực xung quanh; sử dụng cát sông để tránh nhiễm mặn nguồn nước; cử cán bộ giám sát quá trình bơm cát lên hết khu đất dự án được thực hiện đảm bảo theo quy định.

2.4.2.2. Giai đoạn khi vận hành dự án

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố cháy nổ: lập phương án phòng cháy chữa cháy trình thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định và thực hiện đúng theo phương án được phê duyệt; thường xuyên tổ tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa sự cố trạm xử lý nước thải tập trung:

+ Xây dựng, hoàn thiện trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng thiết kế; thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa có khả năng tăng thể tích lưu chứa đảm bảo thời gian lưu chứa tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố; lắp đặt van chặn tại cửa xả nước thải trước khi thoát ra môi trường.

+ Bố trí máy phát điện dự phòng và các thiết bị dự phòng khác để đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải của Dự án; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục có camera theo dõi tại đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m³/ngày đêm của Dự án; truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình theo quy định.

+ Trường hợp nước thải chưa đủ (vận hành non tải) công suất thiết kế: tiến hành bổ sung dưỡng chất để hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trường hợp trạm xử lý nước thải gặp sự cố: vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; các thiết bị dễ bị hỏng hóc như các loại bơm chìm, bơm cạn, bơm định lượng, máy khuấy chìm,... đều có thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố về thiết bị; lưu chứa tại hồ sự cố (6000 m³), bật van chặn cửa xả nước thải ra môi trường; nhanh chóng khắc phục sự cố, vận hành hết công suất thiết kế để xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó đối với khu lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: khu vực lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp khác đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.5. Các nội dung khác

2.5.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải

Không có.

2.5.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật

Không có.

3. Cam kết của Chủ dự án

 **Các cam kết về thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:**

1. Chủ đầu tư cam kết công bố công khai nội dung của dự án và tiến độ thực hiện dự án.

2. Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu của dự án đến môi trường trong giai đoạn xây dựng, vận hành dự án theo đúng các nội dung đã trình bày tại chương 1, 3, 5 của báo cáo.

3. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải thực hiện các biện pháp xử lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình thực hiện dự án tuân thủ quy định tại các quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4. Thỏa thuận và yêu cầu đầu nối nước thải với các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp trước khi đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm và thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

5. Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/CP-NĐ ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/CP-NĐ ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của CCN về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1500m³/ngày đảm bảo toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đạt QCVN 01:2020/NB cột

A ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{NB} = 0,95$) trước khi xả thải ra môi trường. Chủ đầu tư cam kết sẽ hoàn thành trạm XLNT tập trung trước khi các nhà đầu tư thứ cấp đi vào hoạt động sản xuất.

8. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nhằm đáp ứng các chỉ tiêu kiểm soát bao gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni; Hệ thống giám sát nước thải tự động sau xử lý được kết nối với hệ thống giám sát môi trường của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, số liệu giám sát phải được cập nhật và báo cáo với Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi kiểm tra theo quy định.

10. Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

11. Chủ đầu tư cam kết chịu mọi trách nhiệm, đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường của dự án mà Chủ đầu tư gây ra theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường ảnh hưởng xấu đến đời sống cộng đồng dân cư và môi trường ở các khu vực xung quanh dự án.

Cam kết về tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; thiết kế cơ sở và các công trình xử lý nước thải trong thiết kế cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án chủ dự án cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 báo cáo.

Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo đảm kinh tế - xã hội, hỗ trợ hạ tầng, sinh kế người dân tại địa phương:

Thực hiện nghiêm túc các nội dung đã cam kết với địa phương và các hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án như đã nêu tại Chương 6 của báo cáo; Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của dự án, gồm:

- Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng trong trường hợp bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án.

- Cam kết xây dựng hoàn thiện các công trình, các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn chuẩn bị và xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.

- Cam kết vận hành các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án.

- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án./.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG BẢO MINH – KHÁNH HỒNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Kim Thanh

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã từ ngày ... tháng ... năm 2025.